GARMEX
Saigon js

Địa chỉ: 236/7 Nguyễn Văn Lượng, Phường 17, Quận Gò Vấp, TP.HCM
Tel: 84-8-39844822 *Fax*: 84-8-39844746 *Email*: gmsg@hcm.fpt.vn
*Wesite:*www.garmexsaigon-gmc.com

SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN
TP. HỒ CHÍ MINH
ĐẾN Số: 13235
Giờ..... Ngày 26 tháng 04 năm 11

BÁO CÁO
THƯỜNG NIÊN NĂM 2010

CÔNG TY CỔ PHẦN
SẢN XUẤT - THƯƠNG MẠI MAY SÀI GÒN
(GARMEX SAIGON js CO)
HoSE: GMC

Tháng 4-2011

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN
NĂM 2010

I. LỊCH SỬ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. Những sự kiện quan trọng:

A. Quá trình hình thành và phát triển

- Tên đầy đủ: CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI MAY SÀI GÒN
- Tên viết tắt: GARMEX SAIGON JS
- Tên giao dịch: SAIGON GARMENT MANUFACTURING TRADE JOINT STOCK COMPANY
- Mã Chứng khóan: GMC
- Địa chỉ: 236/7 Nguyễn Văn Lượng, Phường 17, Quận Gò Vấp, Tp Hồ Chí Minh.
- Điện thoại: (08) 39844 822 Fax: (08) 39844 746
- E- mail: gmsg@hcm.fpt.vn Website: www.garmexsaigon-gmc.com

B. Tóm tắt lịch sử hình thành và phát triển Công ty:

Công ty Cổ phần Sản xuất - Thương mại May Sài Gòn tiền thân là Công ty Sản Xuất-Xuất Nhập Khẩu May Sài Gòn (Garmex Saigon), được thành lập năm 1993 từ việc tổ chức lại Liên hiệp xí nghiệp May Thành phố HCM. Ngày 05/05/2003, Garmex đã thực hiện chuyển đổi thành Công ty cổ phần theo quyết định số 1663/QĐ-UB của UBND Thành phố Hồ Chí Minh và được Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ chí Minh cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103002036 ngày 07/01/2004; đăng ký thay đổi lần 6 ngày 03/7/2009.

Ngày 06/12/2006 Ủy Ban Chứng khoán Nhà nước cấp giấy phép số 101/GPNY cho phép Công ty Cổ Phần SX-TM May Sài Gòn được niêm yết cổ phiếu phổ thông tại Sở Giao dịch Chứng khóan TP.HCM. Ngày giao dịch đầu tiên của cổ phiếu GMC tại Sở giao dịch Chứng khóan TP.HCM là ngày 22/12/2006.

Ngày 04/06/2007 Ủy Ban Chứng khoán Nhà nước cấp giấy phép số 105/ĐKCB chấp thuận cho Công ty Cổ Phần SX-TM May Sài Gòn phát hành cổ phiếu thưởng và chi trả cổ tức đợt 3/2006 bằng cổ phiếu để tăng vốn điều lệ từ nguồn vốn chủ sở hữu. Vốn điều lệ của Công ty sau khi phát hành là 46.694.970.000 đồng; Ngày 30/8/2007 và ngày

02/10/2007, tổng số 2.394.497 cổ phiếu thưởng, cổ phiếu chi trả cổ tức và cổ phiếu chào bán ra công chúng đã được niêm yết bổ sung tại Sở Giao dịch chứng khóan TP.HCM.

Để tiếp tục niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán TP. HCM, Công ty Cổ phần SX - TM May Sài Gòn quyết định tăng vốn điều lệ bằng cách phát hành cổ phiếu thưởng cho cổ đông hiện hữu từ nguồn thặng dư vốn theo tỷ lệ 10:9 và được Sở Giao dịch Chứng khoán TP.HCM chấp thuận tại Quyết định số 63/QĐ-SGDHCM ngày 25/6/2009. Vốn điều lệ của Công ty sau khi phát hành là 88.685.710.000 đồng, trong đó vốn Cổ đông Nhà nước là 8.878.560.000 đồng, nắm giữ 10,02%. Ngày 25/6/2009, tổng số 4.199.074 cổ phiếu thưởng đã được niêm yết bổ sung tại Sở Giao dịch Chứng khoán TP.HCM và ngày chính thức giao dịch 01/7/2009.

2. Quá trình phát triển:

+ ***Ngành nghề kinh doanh:***

- Công nghiệp may, sản phẩm chính: quần áo may sẵn các loại.
- Công nghiệp dệt vải các loại.
- Kinh doanh vật tư, máy móc thiết bị và nguyên liệu phục vụ ngành may.
- Công nghiệp dệt len các loại.
- Môi giới thương mại, đầu tư kinh doanh siêu thị và dịch vụ cho thuê văn phòng, cửa hàng.
- Kinh doanh nhà.
- Dịch vụ giặt, tẩy (không hoạt động tại trụ sở)
- Cho thuê nhà xưởng.
- Tư vấn quản lý kinh doanh.

+ ***Tình hình hoạt động:***

Sản xuất các sản phẩm: Jacket, Quần áo trượt tuyết, Quần thể thao, Quần tây, T-shirt, Polo shirt, Pullover, Quần áo thể thao may bằng vải dệt kim – dệt thoi, v.v...

Hệ thống khách hàng, đại lý, dịch vụ:

- Công ty sản xuất xuất khẩu 100% sản phẩm cho các thị trường theo cơ cấu như sau: Châu Âu ≈ 75%; Hoa kỳ ≈ 19%; Nhật và các nước khác ≈ 6%.
- Khách hành chính: Decathlon, New Wave, Columbia Sportwear, Aosada, …(các nhãn hiệu: Columbia, Cutter & Buck, Quechua, Craft, Tribord, Wedze, Kipsta, . .)
- 96,88% doanh thu sản xuất chính dưới phương thức FOB (mua nguyên liệu, bán thành phẩm). 3,12% doanh thu sản xuất chính dưới hình thức gia công thông qua một số công ty nước ngoài.
- Bên cạnh hoạt động chính là may xuất khẩu, Công ty Garmex Saigon JS đang thực hiện các hoạt động liên doanh liên kết, xúc tiến kế hoạch khai thác các mặt

bằng thuộc quyền quản lý của mình để nâng cao năng lực cạnh tranh và giảm thiểu rủi ro trong kinh doanh ngành may.

3. Định hướng phát triển Công ty từ nay đến năm 2013:

3.1. Mục tiêu:

✓ *Mục tiêu chung*: Phấn đấu trở thành một trong những doanh nghiệp may xuất khẩu hàng đầu tại Việt Nam vào cuối nhiệm kỳ II (năm 2013):

- Xác lập vị thế trong ngành cung ứng hàng may mặc xuất khẩu;

- Củng cố vị trí mắt xích trong chuỗi "Thiết kế - cung ứng – tiêu thụ" của khách hàng;

- Tăng năng lực sản xuất để phát triển thêm khách hàng mới, cân đối cơ cấu thị trường, giảm thiểu sự phụ thuộc vào một vài khách hàng và tạo điều kiện phát triển năng lực gián tiếp;

- Phát triển nội lực công ty hữu hình (nhân lực, tài lực và vật lực) và vô hình (thương hiệu GMC).

✓ *Mục tiêu cụ thể*:

- Phấn đấu đạt mức Doanh thu 100% FOB ≥ 1.000 tỷ;

- Tỷ suất lợi nhuận trước thuế/ vốn điều lệ ≥ 50%;

- Tỷ suất lợi nhuận/ vốn chủ sở hữu (RoE) ≥ 24%;

- Tỷ suất lợi nhuận/ tài sản (RoA) ≥ 12%;

- Cổ tức ≥ 20%/ năm;

- Lao động ổn định: Việc làm ổn định, cường độ làm việc tương đương 10 giờ làm việc/ ngày, không làm ngày chủ nhật; Thu nhập bình quân ≥ 250$/ tháng; môi trường, điều kiện làm việc thân thiện – công bằng – dân chủ - văn minh;

- Giá trị cổ phiếu GMC trên Hose/thị trường CK.

3.2. Chiến lược phát triển từ nay đến 2013:

3.2.1/. Tái cơ cấu lại sản xuất theo hướng tập trung hóa và nâng cao năng lực sản xuất, để đến năm 2013 công ty sẽ đạt doanh thu may xuất khẩu ≥ 1.000 tỷ; Cụ thể:

- XN May An Nhơn và XN May An Phú sản xuất với qui mô 14 chuyền may (65 – 70 lao động)/ chuyền. Năng suất lao động đạt 25.000$/chuyền; thời gian sản xuất 11,5 tháng/ năm; doanh thu FOB tương đương 3,5 – 4 lần giá CM, ước đạt 28.175.000$/năm.

- Cty TNHH May Tân Mỹ sản xuất với qui mô 18 chuyền may. Năng suất lao động đạt 20.000$/chuyền; doanh thu FOB ước đạt 14.500.000$/năm.

3.2.1/. Thành lập Công ty cổ phần Đầu tư GMC (GMCi) nhằm quản lý, đầu tư, phát triển quỹ đất của Công ty sau khi sắp xếp lại sản xuất. Cụ thể năm 2013 tiến hành khởi công dự án 213 Hồng Bàng, Q5 sau khi kế thúc hợp đồng liên kết với BV Đại học Y Dược; Tìm cơ hội để hợp tác đầu tư theo quy hoạch mặt bằng 332 Lũy Bán Bích, Quận Tân Phú và 55E Minh Phụng, Quận 6.

3.2.3/. Về dịch vụ thương mại:

- Thành lập và phát triển chuỗi Thiết kế - Cung ứng – Thương hiệu – Tiêu thụ thông qua chiến lược phát triển thị trường nội địa có hướng tới thị trường chung Asean vào năm 2015;

- Phát triển năng lực sản xuất gián tiếp (hợp tác sản xuất, M&A hoặc phát triển nhà thầu phụ):

+ Xúc tiến mở rộng nguồn khách hàng;

+ Hoạch định bộ máy điều hành, nhân sự quản lý kế hoạch, kỹ thuật đơn hàng, QA…;

+ Xây dựng hệ thống quản lý, trách nhiệm xã hội và đánh giá khách hàng;

- Xây dựng và phát triển dịch vụ cung ứng nguyên phụ liệu ngành, thiết kế phát triển mẫu và may mẫu.

II. BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ:

Họat động SX KD của công ty trong năm 2010 diễn ra trong bối cảnh tình hình suy thoái kinh tế toàn cầu vừa hồi phục, đơn đặt hàng dồi dào. Tình hình kinh tế Việt Nam từng bước chuyển đổi theo cơ chế thị trường nên ẩn chứa nhiều rủi ro.

HĐQT đã theo dõi chặt chẽ tình hình để điều chỉnh việc thực hiện Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên 2010 cho thích nghi với thực tiễn.

A. Kết quả thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2010:

1. Thực hiện các chỉ tiêu cơ bản Sản xuất kinh doanh:

1.1 Chỉ tiêu sản xuất kinh doanh:

+ Doanh thu: 631.206.301.307 đồng → Đạt 138,48 %/ KH

+ Lợi nhuận trước thuế: 40.057.412.755 đồng → Đạt 133,52 %/ KH

1.2 Chia cổ tức:

Đợt 1: 10 % đã chi trả

Đợt 2: 10% dự kiến chi trả ngày 08/4/2011.

1.3 Thù lao, tiền thưởng HĐQT và Ban KS:

Nội dung	**Số tiền**
- Thù lao HĐQT – BKS	634.756.014 đ
- Tổng tiền thưởng HĐQT	1.096.646.048 đ
Bao gồm:	
+ *Thưởng 2% lợi nhuận sau thuế:*	634.756.014 đ
+ *Thưởng 5% phần vượt so chỉ tiêu*	461.890.034 đ

- Phân bổ nguồn thưởng của HĐQT:

HĐQT trích 70% quỹ thưởng, thưởng cho CBCC: 767.652.234 đ

2. ***Thực hiện Phương án hợp tác với Bệnh viện Đại học Y dược Thành phố*** đầu tư *"Trung tâm ứng dụng công nghệ - kỹ thuật cao Y khoa"* tại số 213 Hồng Bàng, P11, Quận 5, TP.HCM:

Công ty đã tiến hành đàm phán ký kết Hợp đồng tư vấn kỹ thuật với Công ty CP Tư vấn Đầu tư và Thiết kế Xây dựng CDCo. thực hiện tất cả các thủ tục pháp lý theo đúng pháp luật hiện hành về qui hoạch đầu tư, thuê đất, khảo sát địa hình, địa chất công trình, lập hồ sơ thiết kế cơ sở, thiết kế bản vẽ thi công và dự tóan công trình.

Ngoài ra, Công ty còn ký Hợp đồng tư vấn lập luận chứng kinh tế kỹ thuật với Công ty TNHH Tư vấn Đầu tư Trí Tín nhằm chuẩn bị tất cả các thủ tục pháp lý để có thể khởi công xây dựng công trình ngay khi kết thúc hợp đồng liên kết với bệnh viện Đại học Y Dược.

3. ***Thực hiện Phương án "Phát hành 50 tỷ trái phiếu chuyển đổi"*** (TPCĐ) để đầu tư khai thác quỹ đất và bổ sung vốn kinh doanh: Công ty đã ký hợp đồng tư vấn phát hành trái phiếu chuyển đổi với Công ty cổ phần chứng khóan Bản Việt. Tiến hành soạn thảo bản cáo bạch và lập hồ sơ đăng ký chào bán TPCĐ gởi UBCKNN.

Ngày 22 tháng 10 năm 2010, Công ty nhận được Công văn của UBCKNN yêu cầu bổ sung một số tài liệu liên quan đến hồ sơ phát hành chào bán trái phiếu ra công chúng để có thể cấp giấy phép chính thức cho Công ty. HĐQT đã họp đột xuất xem xét nhận thấy tình hình thị trường chứng khoán có nhiều biến động, không thuận lợi cho việc phát hành trái phiếu chuyển đổi, nếu tiếp tục sẽ khó thành công, đồng thời nhằm đảm bảo tối đa lợi ích cho cổ đông hiện hữu nên HĐQT đã thống nhất ban hành Nghị quyết tạm hoãn phát hành 50 tỷ trái phiếu chuyển đổi và làm văn gởi UBCKNN xin được tạm hoãn đến thời điểm thuận lợi, đồng thời công bố trên website của Công ty cho toàn thể cổ đông được biết.

B. Về tình hình quản trị Công ty:

Trong năm, HĐQT đã tiến hành các cuộc họp định kỳ và bất kỳ theo đúng quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty. Cụ thể:

- *Quý 01/2010, HĐQT đã họp xem xét thông qua kết* quả hoạt động SXKD, dự kiến phân phối lợi nhuận năm 2009 (số liệu chưa kiểm toán), kế hoạch SXKD năm 2010.

- *Quý 02/2010, sau đại hội cổ đông, HĐQT họp thảo luận* các giải pháp tăng tốc phát triển SXKD năm 2010. Làm việc với Ban Giám đốc Bệnh viện ĐH Y Dược TP.HCM, xây dựng lộ trình triển khai dự án 213 Hồng Bàng, Q5. Ký hợp đồng với Công ty Chứng khoán Bản Việt tư vấn phát hành trái phiếu chuyển đổi.

- *Quý 03/2010 trên cơ sở k*ết quả hoạt động SXKD 6 tháng đầu năm, HĐQT dự kiến kế hoạch 6 tháng cuối năm 2010, phấn đấu cả năm đạt 500 tỷ/ kế hoạch 455 tỷ. Thảo luận định hướng kế hoạch SXKD năm 2011 và các giải pháp thực hiện. Cùng với Ban Giám đốc Bệnh viện Đại học Y Dược làm việc với Công ty CP Tư vấn Đầu tư và Thiết kế Xây dựng CDCo, Công ty TNHH Tư vấn Đầu tư Trí Tín xác định mô hình hoạt động, lập luận chứng kinh tế và phương án kiến trúc, thiết kế sơ bộ dự án 213 Hồng Bàng, Q5. Hoàn tất hồ sơ phát hành trái phiếu chuyển đổi gởi Ủy Ban Chứng Khoán Nhà nước.

HĐQT thống nhất bổ nhiệm tạm thời Bà Nguyễn Thị Thu Hương, Phó Tổng Giám đốc làm Thành viên HĐQT nhiệm kỳ II (2009 – 2013) kể từ 01/8/2010 và trình Đại hội ĐCĐTN năm 2011 xem xét, bầu bổ sung chính thức.

- *Quý 04/*2010 thông qua Kết quả hoạt động SXKD năm 2010 (số liệu chưa kiểm toán) và Dự kiến Kế hoạch SXKD năm 2011 cùng các giải pháp thực hiện.

+ Xem xét, phê duyệt bổ nhiệm có thời hạn Cán bộ quản lý, chuẩn bị nguồn kế thừa:

Họ và Tên	**Chức vụ hiện tại**	**Được bổ nhiệm**
1. Ông Chu Thành Trung	Q.GĐ Kỹ thuật – QLCL	GĐ Kỹ thuật - QLCL
2.. Ông Phan Văn Tuấn	TP.KH.SX	GĐ KH.SX
3. Cô Nguyễn Thị Điệp	TP. Kinh doanh 1	GĐ Kinh doanh 1
4. Ông Trần Kim Thành	TP. Kinh doanh 2	GĐ Kinh doanh 2
5. Bà Phạm Thị Thu Thủy	PGĐ XN May An Nhơn	GĐ XN May An Nhơn
6. Cô Hoàng Thị Kim Dung	PGĐ XN May An Phú	GĐ XN May An Phú
7. Ông Trần Minh Quang	Q.GĐ Cty May Tân Mỹ	GĐ Cty May Tân Mỹ

+ Thống nhất ông Lê Quang Hùng, CT/HĐQT thôi kiêm GĐ XN An Phú và ông Nguyễn Ân, TGĐ thôi kiêm GĐ XN An Nhơn để tập trung công việc quản trị, điều hành.

+ Thống nhất chủ trương đầu tư tài chính tại Công ty CP Bông Bạch Tuyết nếu được ĐHĐCĐ Cty Bông Bạch Tuyết thông qua;

+ Thưởng cho Tổng Giám đốc đã có thành tích hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu của ĐHĐCĐTN và HĐQT giao.

+ Thông qua Kế hoạch tổ chức Đại hội ĐCĐTN năm 2011.

III. BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC :

1. Báo cáo tình hình tài chính:

1.1/ Khả năng sinh lời, khả năng thanh toán:

+ Khả năng sinh lời:

- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế / Tổng tài sản : 11,27%
- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế / Doanh thu thuần : 5,54%
- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế / Nguồn vốn chủ sở hữu : 26,02%

+ Khả năng thanh toán:

- Khả năng thanh tóan nhanh : 0,81 lần
- Khả năng thanh tóan hiện hành : 1,23 lần

1.2/ Giá trị sổ sách tại thời điểm 31/12/2010:

- **Tổng tài sản: 310.101.002.666** đồng, trong đó cơ cấu tài sản và cơ cấu nguồn vốn như sau:
- **Cơ cấu tài sản :**
  - Tài sản dài hạn / Tổng tài sản : 30,34%

- Tài sản ngắn hạn / Tổng tài sản : 69,66%

- **Cơ cấu nguồn vốn:**
  - Nợ phải trả/ Tổng nguồn vốn : 56,68 %.
  - Nguồn vốn chủ sở hữu/ Tổng nguồn vốn : 43,32 %

1.3/ Tổng số cổ phiếu của công ty tính đến 31/12/2010 là 8.868.571 cổ phần, trong đó:

- Tổng số cổ phiếu đang lưu hành: 8.865.021 cổ phiếu.
- Cổ phiếu quỹ: 3.550 cổ phiếu.

1.4/ Cổ tức chia cho các thành viên góp vốn: 20% /năm

2. Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

CHỈ TIÊU	THỰC HIỆN NĂM 2009	NĂM 2010		SO SÁNH (%)	
		THỰC HIỆN	KẾ HOẠCH	2010/2009	TH 2010/KH
1. Doanh thu (đồng)	**380,515,964,009**	**631,206,301,307**	**455,818,300,000**	**165.88%**	**138.48%**
-Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	353,992,643,262	613,883,033,117			
-Doanh thu hoạt động tài chính	26,270,469,206	16,286,966,717			
- Thu nhập khác	252,851,541	1,036,301,473			
2. Chi phí (đồng)	**338,169,620,922**	**591,148,888,552**	**425,818,300,000**	**174.81%**	**138.83%**
- Chi phí kinh doanh	332,465,166,697	580,339,821,025			
- Chi phí tài chính	5,657,657,066	10,731,919,849			
Trong đó chi phí lãi vay	1,154,090,009	4,797,843,461			
- Chi phí khác	46,797,159	77,147,678			
3. Lợi nhuận trước thuế (đồng)	**42,346,343,087**	**40,057,412,755**	**30,000,000,000**	**94.59%**	**133.52%**
- Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh & đầu tư vào các đơn vị khác	42,140,288,705	39,098,258,960			
- Lợi nhuận khác	206,054,382	959,153,795			
4. Lợi nhuận sau thuế + thuế TNDN được miễn giảm (đồng)	34,794,782,529	34,952,850,187		**100.45%**	

3. Những tiến bộ Công ty đã đạt được:

✓ Công ty tự chủ hơn trong hoạt động sản xuất kinh doanh theo phương thức FOB. Sản xuất FOB hiện nay chiếm **96.88%** doanh thu sản xuất chính của công ty.

✓ Đầu tư thiết bị kịp thời có chọn lọc giúp năng suất lao động tăng 32,55% so với kế hoạch năm và 36,75% so với năm 2009. Thu nhập của người lao động đạt 4.690.000 đồng/người/tháng, tăng 36,14% so với năm 2009.

✓ Xây dựng chính sách thu hút nguồn lực cho Công ty may Tân Mỹ Trong năm đã tuyển thêm 200 lao động, nâng năng lực sản xuất của công ty May Tân Mỹ từ 6 chuyền năm 2009 lên 9 chuyền năm 2010.

4. Kế hoạch phát triển trong tương lai.

- Thực hiện chiến lược phát triển công ty, từ nay đến cuối năm 2011 tập trung xây dựng cụm sản xuất tại Cty may Tân Mỹ với qui mô 18 chuyền may. Đến năm 2013, phát triển 3 đơn vị sản xuất với qui mô: Cty TNHH May Tân Mỹ (Bà Rịa-Vũng Tàu) 18 – 36 chuyền may; XN May An Nhơn (Gò Vấp) 14 chuyền may; XN May An Phú (Hóc Môn) 14 chuyền may. Nâng năng suất lao động bình quân đầu người các XN trực thuộc lên 14 USD/công, tức 25.000 USD/chuyền/tháng (70 lao động/chuyền) và Cty TNHH may Tân Mỹ lên 20.000 USD/chuyền/tháng;

- Nâng tỷ trọng sản xuất FOB lên 100%/DTSX vào cuối năm 2011. Đây cũng là giai đoạn chuyển đổi công năng, xúc tiến khai thác quỹ đất Cty sau khi sắp xếp lại sản xuất. .

- Theo yêu cầu phát triển công ty, tiếp tục hoàn chỉnh bộ máy, nguồn nhân lực theo hướng chuyên nghiệp hóa; cải tiến phương pháp điều hành, hiệu quả, trong đó chú trọng ứng dụng quản lý theo hệ thống tiêu chuẩn ISO9001: 2008.

- Hợp tác đầu tư xây dựng cơ sở 213 Hồng Bàng, Q5 thành Trung tâm y tế kỹ thuật cao, khởi công xây dựng vào năm 2013 và đưa vào hoạt động từ năm 2015;

IV. BÁO CÁO TÀI CHÍNH:

Các báo cáo tài chính đã được kiểm toán theo qui định của pháp luật về kế toán (đã được gởi riêng)

V. BẢN GIẢI TRÌNH BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ BÁO CÁO KIỂM TOÁN

1. ***Đơn vị kiểm toán độc lập***: Công Ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn (A&C) thực hiện.

2. ***Ý kiến kiểm toán độc lập***: Khoản đầu tư vào Công Ty Cổ Phần phú Mỹ với số tiền là 4.341.000.000 VNĐ chưa được trình bày trong Báo cáo tài chính hợp nhất của tập đoàn theo phương pháp vốn chủ sở hữu do tại thời điểm kiểm toán, Công Ty Cổ Phần phú Mỹ chưa lập xong Báo cáo tài chính năm 2010.

Theo ý kiến của kiểm toán, ngoại trừ ảnh hưởng của vấn đề nêu trên, báo cáo tài chính hợp nhất đề cập đã phản ảnh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu về tình hình tài chính của Tập đoàn tại thời điểm ngày 31/12/2010, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và các luồng tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010, phù hợp với các chuẩn mực, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và qui định pháp lý có liên quan.

VI. CÁC CÔNG TY CÓ LIÊN QUAN

*1. **Công ty TNHH May Tân Mỹ:*** Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4904000149 ngày 29 tháng 8 năm 2007 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu cấp.

Vốn điều lệ 15.000.000.000 VND do Garmex Saigon Js nắm giữ 100% vốn điều lệ.

Trụ sở hoạt động: Cụm Công nghiệp – Tiểu thủ công nghiệp Hắc Dịch, Ấp Trảng Cát, xã Hắc Dịch, huyện Tân Thành, Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

Điện thoại: 064.3.945.625

Ngành nghề chính của công ty là May công nghiệp; Dệt vải, len các loại; Mua bán máy móc, thiết bị, nguyên vật liệu ngành dệt may; Cho thuê nhà xưởng; Dịch vụ giặt tẩy.

Kết quả sản xuất kinh doanh:

	Năm 2010	***Năm 2009***
+ Doanh thu:	30.819.119.799 đồng	7.579.563.285 đồng
+ Lợi nhuận trước thuế:	623.714.350 đồng	(3.153.884.102 đồng)

2. ***Công ty Cổ phần Phú Mỹ***: Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4903000177 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu cấp thay đổi lần 02 ngày 30 tháng 10 năm 2006.

Vốn điều lệ 13.370.280.000 VND, trong đó Garmex Saigon Js nắm giữ 32,47% vốn điều lệ và có đại diện là Chủ tịch HĐQT.

Trụ sở hoạt động: Ấp Trảng Cát, xã Hắc Dịch, huyện Tân Thành, Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

Điện thoại: 064.3.945.328

Ngành nghề kinh doanh: Kinh doanh hạ tầng kỹ thuật khu công nghiệp và cụm công nghiệp; Thi công các công trình dân dụng, công nghiệp, xử lý nước thải, rác thải; Mua bán nhà; Môi giới bất động sản, dịch vụ nhà đất . . . .

VII. TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ:

A. Sơ đồ tổ chức của công ty:

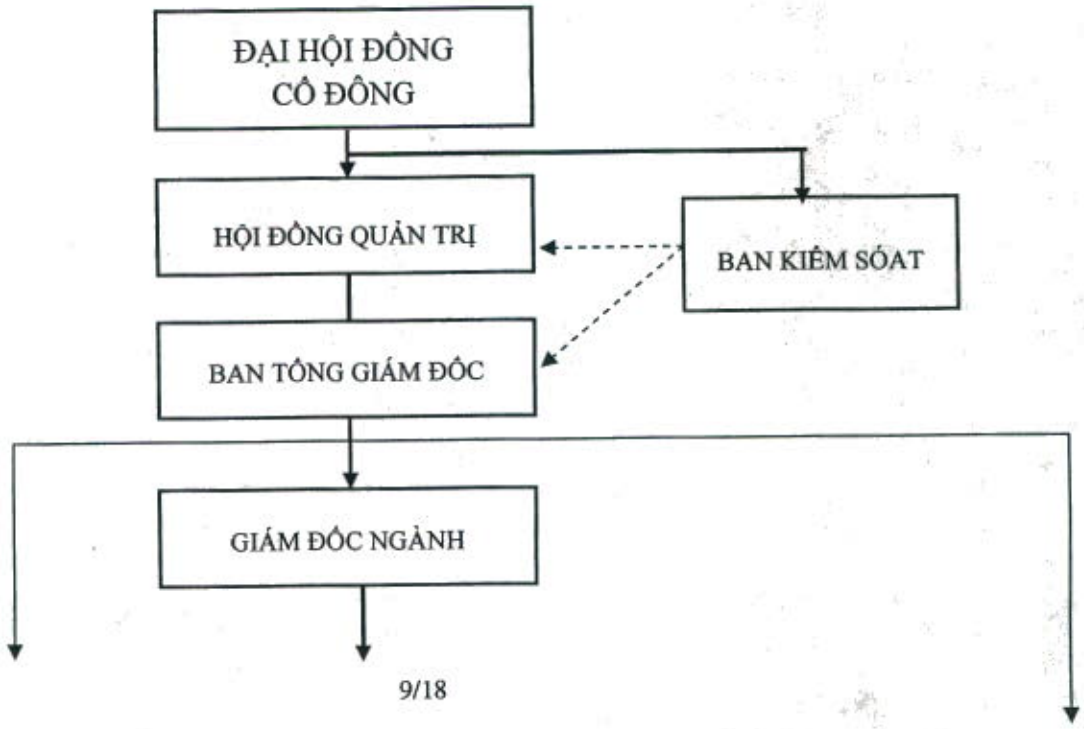

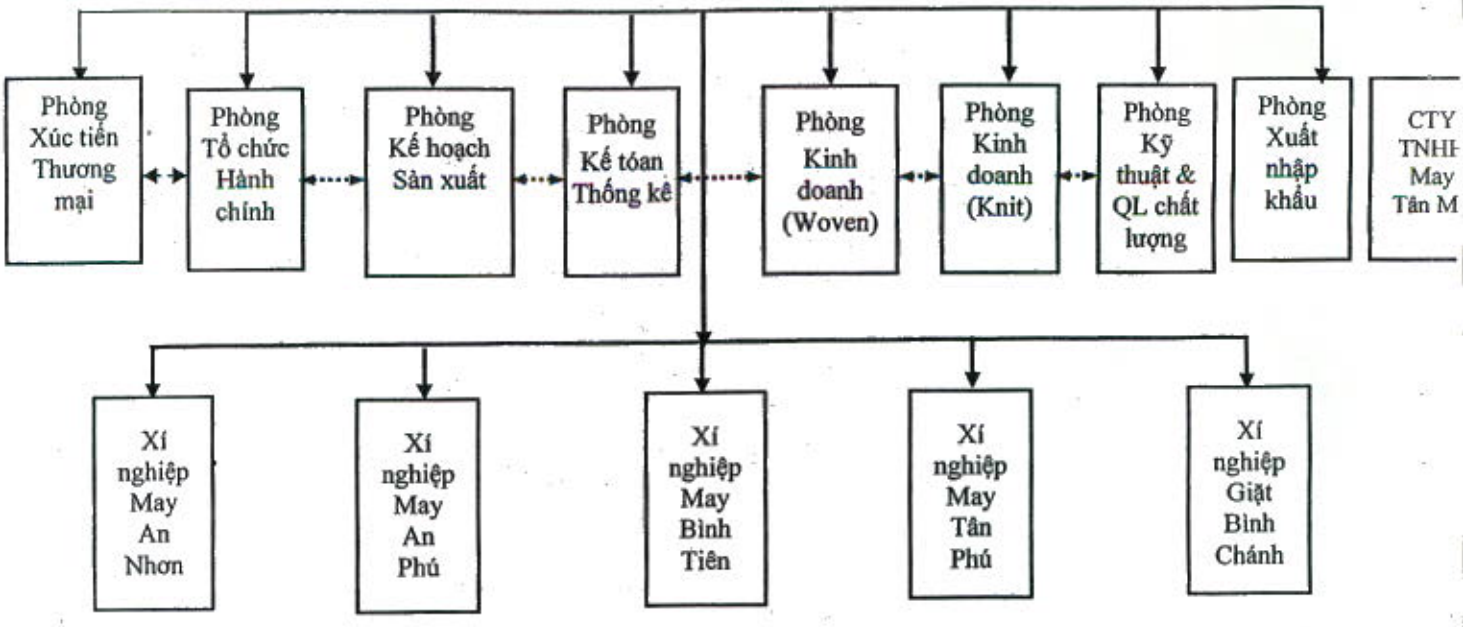

B. Tóm tắt lý lịch của các cá nhân trong Ban điều hành:

1. Ông Lê Quang Hùng – Chủ tịch Hội đồng quản trị chuyên trách

- Giới tính: Nam
- Năm sinh: 1957
- Nơi sinh: Sài Gòn
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Số CMND: 020151953, cấp ngày 10/10/2003 tại TP. HCM
- Quê quán: Hà Tây
- Địa chỉ thường trú: 7A Đường Bàu Cát 2, Phường 14, Quận Tân Bình, Tp HCM
- Điện thoại liên lạc: (08) 984 4822
- Trình độ văn hoá: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Đại học Kinh tế Công nghiệp
- Quá trình công tác:
  - 1973 - 1990: Cán bộ Đoàn Thanh niên chuyên trách thuộc Đoàn ủy Học sinh Khu Sài Gòn – Gia Định, sau là Thành Đoàn TNCS Hồ Chí Minh.
  - 1990 - 1995: Giám đốc Xí nghiệp Len Sài Gòn.
  - 1995 - 2003: Giám đốc Công ty Sản xuất – Xuất nhập khẩu May Sài Gòn.
  - 2004 – 2/2011: Bí thư Đảng ủy, Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần SX - TM May Sài Gòn kiêm Giám đốc Xí nghiệp May An Phú.

- 3/2011- đến nay: Đảng ủy viên, Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần SX - TM May Sài Gòn.

2. **Ông Nguyễn Ân – Tổng Giám đốc**

- Giới tính: Nam
- Năm sinh: 1953
- Nơi sinh: Quảng Ngãi
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Số CMND: 023744173 cấp ngày 18/08/1999 tại TP. HCM
- Quê quán: Tịnh Long, Sơn Tịnh, Quảng Ngãi
- Địa chỉ thường trú: 304/9c Lê Đức Thọ, Phường 16, Quận Gò Vấp, Tp HCM
- Điện thoại liên lạc: (08) 984 4822
- Trình độ văn hoá: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Đại học Kinh tế Công nghiệp
- Quá trình công tác:
  - 8/1972-3/1975: Hoạt động phong trào đô thị thuộc Đoàn ủy Khu Sài Gòn-Gia Định.
  - 3/1975- 4/1975: Tham gia chiến dịch Hồ Chí Minh – thuộc Chi đoàn B3 K42 liên Quận 4, Khu Sài Gòn- Gia Định.
  - 5/1975-2/1976: Bí thư Đoàn phường 5, Quận Bình Hòa và Bí thư phường đoàn Phường 11, Quận Bình Thạnh.
  - 3/1976-10/1978: Học viên trường cán bộ Trung ương Đoàn- Hà nội
  - 11/1978-4/1981: Phó bí thư Quận đoàn quận 8 kiêm bí thư chi bộ Quận đoàn 8
  - 5/1981-01/1987: Phó ban khu phố Tiểu thủ Công nghiệp Thành đoàn, Phó ban Thanh niên Công nhân Thành đoàn, Bí thư chi bộ - Đảng uỷ viên đảng uỷ Thành đoàn TP Hồ Chí Minh
  - 01/1987-4/1993: PP. KH-VT, Trưởng phòng Xuất nhập khẩu Liên hiệp May Thành phố.
  - 5/1993-11/1995: Giám đốc XN may Liên doanh An nhơn - Đảng uỷ viên đảng bộ Công ty.
  - 12/1995-5/1997: Phó giám đốc Xí nghiệp may Garmex 2.
  - 6/1997-12/1997: Quyền Giám đốc XN Garmex 2
  - 1/1998- 8/1999: Giám đốc XN Garmex 2

- 9/1999-12/2003: Phó Giám đốc Cty SX - XNK May Sài Gòn kiêm Giám đốc XN Garmex 2 - Đảng uỷ viên, Bí thư chi bộ XN
- 1/2004 – 2/2011: Đảng ủy viên, Phó Chủ tịch HĐQT - Tổng Giám Đốc kiêm Giám đốc XN May An Nhơn.
- 3/2011- đến nay: Đảng ủy viên, Phó Chủ tịch HĐQT - Tổng Giám Đốc

3. **Bà Đỗ Thị Kim Nhàn – Phó Tổng Giám đốc**, QMR Công ty

- Giới tính: Nữ
- Năm sinh: 1958
- Nơi sinh: Hà Nội
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Số CMND: 021563814 cấp ngày 22/10/2008 tại TP. HCM
- Quê quán: Hà Đông – Hà Nội
- Địa chỉ thường trú: 43 Lý Tự Trọng, phường Bến Nghé, quận 1, Tp Hồ Chí Minh
- Điện thoại liên lạc: (08) 984 4748
- Trình độ văn hoá: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế, cử nhân Chính trị, cử nhân Luật
- Quá trình công tác:
  - 12/1980 - 5/1986: Cán bộ lao động tiền lương- XN Liên hợp May mặc
  - 5/1986 - 4/1987: PP. Tổ chức –LĐTL Liên hiệp XN May
  - 4/1987 - 4/1989: Bí thư chi bộ kiêm P. Giám đốc XN Liên doanh Vitexco
  - 4/1989-11/1992: Đảng ủy viên, Phó phòng TC- LĐTL Liên hiệp XN May.
  - 11/1992-6/1993: Đảng ủy viên Đảng bộ LHXN May – P. Giám đốc XN May Sài Gòn 4 – Bí thư Đoàn TNCS HCM LHXN May.
  - 6/1993-01/1994: Đảng ủy viên Đảng bộ LHXN May, Trưởng phòng TC-HC , Bí thư Đoàn TNCS HCM LHXN May.
  - 01/1994-3/1995: Bí thư Đảng ủy- Phó Giám đốc Công ty SX-XNK May Sài Gòn
  - 3/1995-10/1998: Bí thư Đảng ủy –P. Giám đốc Công ty kiêm Giám đốc XN May Garmex 3
  - 10/1998-5/2000: Phó Bí thư Đảng ủy – P Giám đốc Công ty kiêm Giám đốc XN May Garmex 3

- 6/2000- 5/2003: Bí thư Đảng ủy - P.Giám đốc Công ty - Giám Đốc XN May Garmex 3 - Kiêm Trưởng phòng TC-HC Công ty SX-XNK May Sài Gòn
- 6/2003-12/2003: Bí thư Đảng ủy – P.Giám đốc Công ty – Kiêm Trưởng phòng TC-HC Công ty SX-XNK May Sài Gòn
- 07/01/2004 - đến nay: Phó Bí thư Đảng ủy, Ủy viên thường vụ Đảng Ủy, Ủy viên thường trực HĐQT, Phó Tổng Giám đốc, QMR Công ty Cổ phần SX-TM May Sài Gòn.

4. **Ông Nguyễn Hoàng Giang – Phó Tổng Giám đốc**

- Giới tính: Nam
- Năm sinh: 1961
- Nơi sinh: Sài Gòn
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Số CMND: 020417705 cấp ngày 25/08/2005 tại TP. HCM
- Quê quán: Quang Trung, Hưng Yên
- Địa chỉ thường trú: 258 NguyễnThị Minh Khai, Phường 6, Quận 3, Tp. HCM
- Điện thoại liên lạc: (08) 984 4822
- Trình độ văn hoá: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Đại học sư phạm Anh văn
- Quá trình công tác:
  - 12/1984- 05/1991: Cán bộ Thành đoàn Tp Hồ Chí Minh
  - 06/1991 -12/1993: Cán bộ Phòng XNK Liên hiệp Xí nghiệp May
  - 01/1994 - 06/1994: Trưởng phòng XNK Cty SX – XNK May Sài Gòn
  - 07/1994 - 06/1997: Trưởng phòng XNK Cty Legamex
  - 07/1997 – 10/1998: Nghỉ việc Cty Legamex
  - 11/1998 – 03/1999: Chuyên viên XN May Garmex 2, Cty SX-XNK May Sài Gòn
  - 04/1999 - 11/1999: Phó GĐ XN Garmex 2, Cty SX-XNK May Sài Gòn
  - 12/1999 - 12/2003: Trưởng phòng Xúc tiến Thương mại, Cty SX – XNK May Sài Gòn
  - 01/2004 đến nay: Thành viên HĐQT - Phó Tổng Giám đốc phụ trách Xúc tiến và Cải tiến quản lý Công ty Cổ phần SX - TM May Sài gòn.

5. **Bà Nguyễn Thị Thu Hương – Phó Tổng Giám đốc** phụ trách Nội chính

- Giới tính: Nữ
- Năm sinh: 12/01/1965
- Nơi sinh: Hải Dương
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Số CMND: 022748227 cấp ngày 14/01/2008 tại TP. HCM
- Quê quán: Hải Dương
- Địa chỉ thường trú: 258/80A Trần Hưng Đạo, quận 1, Tp Hồ Chí Minh
- Điện thoại liên lạc: (08) 39844822/129
- Trình độ văn hoá: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế (ngành quản trị)
- Quá trình công tác:
  - 1/1987 - 7/1987: Công nhân may Xí nghiệp May Sài Gòn 1
  - 8/1987 - 3/1993: Bí thư Đoàn TN chuyên trách XN May Sài Gòn 1 kiêm Phó Bí thư Đoàn TN Công ty SX – XNK May Sài Gòn
  - 4/1993 - 4/2000: Bí thư Đoàn TN kiêm Nhân viên LĐTL, kiêm Phó Quản đốc Xí nghiệp May Garmex 1
  - 5/2000 - 3/2002: Phó Phòng TCHC Xí nghiệp May Garmex 1
  - 3/2002 - 12/2003: Trưởng Phòng TCHC Xí nghiệp May An Nhơn
  - 1/2004 - 4/2009: Trưởng Phòng TCHC Cộng ty
  - 5/2009 - 5/2010: Ủy viên thường vụ Đảng Ủy, Phó Chủ tịch Công đoàn Công ty, Phó Tổng Giám đốc phụ trách Nội chính kiêm Trưởng Phòng TCHC Công ty.
  - 8/2010 - đến nay: Bí thư Đảng Ủy, Phó Chủ tịch Công đoàn Công ty, thành viên HĐQT, Phó Tổng Giám đốc phụ trách Nội chính kiêm Trưởng Phòng TCHC Công ty.

6. **Bà Nguyễn Minh Hằng – Kế toán trưởng**

- Giới tính: Nữ
- Năm sinh: 18/6/1977
- Nơi sinh: Thành phố Hồ Chí Minh
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh

- Số CMND: 023063803 cấp ngày 20/04/2000 tại TP. HCM
- Quê quán: Hải Dương
- Địa chỉ thường trú: 407/3 Lý Thái Tổ, phường 9, quận 10, TP. Hồ Chí Minh
- Điện thoại liên lạc: (08) 39844822/135
- Trình độ văn hoá: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế
- Quá trình công tác:
  - 1/1999 – 1/2004: Nhân viên Kế toán Công ty SX-XNK May Sài Gòn
  - 1/2004 – 12/2006: Nhân viên Kế toán Công ty Cổ phần SX - TM May Sài Gòn
  - 1/2007 – 2/2008: Phó Phòng Kế toán Thống kê Công ty
  - 3/2008 – 4/2009: Trưởng Phòng Kế toán Thống kê Công ty
  - 6/2009 – đến nay: Kế toán trưởng Công ty

C. Quyền lợi của Ban Giám đốc: Tổng thu nhập (tiền lương, tiền thưởng và các khoản mang tính chất lương của Ban Giám đốc phụ lục đính kèm)

D. Số lượng CBCNV tính đến thời điểm 31/12/2010 là 2.803 người và chính sách đối với người lao động:

- Thu nhập bình quân của người lao động trong năm 2010 là 4.690.000 đồng/tháng, tăng 36,14% so với năm 2009.

- Công ty Cổ phần SX-TM May Sài Gòn luôn khẳng định "Lao động là vốn quý của Doanh nghiệp". Ngoài việc đảm bảo đầy đủ các chính sách, chế độ theo quy định Bộ luật lao động, trong năm 2010 Công ty đã thực hiện "Chính sách đãi ngộ người lao động" nhằm hỗ trợ thêm thu nhập cho người lao động thông qua các hình thức thưởng năng suất và trợ cấp lương để người lao động có thể sống bằng thu nhập.

- Công ty quan tâm đến việc đầu tư máy móc thiết bị, cải tạo nhà xưởng, môi trường làm việc để đảm bảo sức khỏe và an toàn cho người lao động.

- Thường xuyên đào tạo bồi dưỡng nghiệp vụ và tay nghề cho CBCNV để theo kịp tốc độ phát triển và môi trường kinh doanh bên trong và bên ngòai Công ty.

- Công ty tạo điều kiện cho tất cả các thành viên phát huy sở trường, kinh nghiệm và sự sáng tạo để thực hiện nhiệm vụ đạt hiệu quả tốt nhất, có cơ hội thăng tiến và thăng tiến không ngừng.

E. Bổ sung thành viên Hội đồng quản trị:

Đại hội nhiệm kỳ 2 (2009 – 2013) bầu HĐQT có 7 thành viên, trong đó có 2 thành viên độc lập; Tháng 7/2009 một thành viên HĐQT là Giám đốc kinh doanh làm đơn xin từ nhiệm và nghỉ việc vì nhu cầu cá nhân lập công ty riêng cùng ngành nghề với GMC, dễ tạo ra tình huống xung đột lợi ích. Sau tháng 7/2009, HĐQT công ty chỉ còn 6 thành viên. Để đảm bảo đủ túc số 7 thành viên HĐQT do Đại hội nhiệm kỳ 2 đề ra, ngày 28/7/2010 HĐQT đã họp thống nhất bổ nhiệm tạm thời Bà Nguyễn Thị Thu Hương, Phó

Tổng Giám đốc Công ty phụ trách Nội chính làm thành viên HĐQT kể từ ngày 01/8/2010.

VIII. THÔNG TIN CỔ ĐÔNG/ THÀNH VIÊN GÓP VỐN VÀ QUẢN TRỊ CÔNG TY:

1. Thành viên Hội đồng quản trị:

- Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị

01.	LÊ QUANG HÙNG	Chủ tịch HĐQT chuyên trách
02.	NGUYỄN ÂN	Phó Chủ tịch
03.	ĐỖ THỊ KIM NHÀN	Thành viên
04.	NGUYỄN HOÀNG GIANG	Thành viên
05.	NGUYỄN THỊ THU HƯƠNG	Bổ nhiệm tạm thời ngày 1/8/2010
06.	THANH THỊ HUỆ	Thành viên độc lập không điều hành
07.	LÂM TỬ THANH	Thành viên độc lập không điều hành

- Hoạt động Hội đồng quản trị theo Luật doanh nghiệp, Luật chứng khoán, điều lệ và quy chế quản trị của Công ty Cổ phần. Năm 2010 HĐQT họp thường kỳ, bất thường 07 phiên. Các Nghị quyết của ĐHĐCĐ thường niên và của HĐQT được triển khai thực hiện đầy đủ và có hiệu quả.

- Hoạt động của Thành viên HĐQT độc lập không điều hành: tham gia các tiểu ban "Đầu tư-tài chính và Kiểm toán nội bộ".

- Hoạt động của Ban Kiểm sóat:

01.	LÊ THỊ CHÍN	Trưởng ban
02.	LIÊU SANH THU CÚC	Ủy viên
03.	NGUYỄN THỊ HỒNG LIÊN	Ủy viên

Cả 03 thành viên của Ban kiểm soát hoàn toàn độc lập không tham gia điều hành Công ty.

Ban kiểm sóat hoạt động theo Luật doanh nghiệp, điều lệ của Công ty Cổ phần, họp thường kỳ 03 tháng 01 lần. Trưởng ban kiểm sóat tham gia đầy đủ các buổi họp HĐQT. Các thành viên trong Ban kiểm sóat đã giám sát việc thực hiện các Nghị quyết của ĐHĐCĐ và HĐQT đề ra; tham gia việc lựa chọn và đánh giá Nhà thầu phụ, nhà cung cấp nguyên phụ liệu và máy móc thiết bị phục vụ việc sản xuất hàng may mặc xuất khẩu. Thẩm định các Báo cáo tài chính năm, báo cáo tình hình kinh doanh và báo cáo công tác quản lý của HĐQT.

Thù lao và Thưởng cho HĐQT và Ban kiểm soát được trích trong năm 2010 là 1.731.402.062 đồng

- Thù lao HĐQT & BKS (2%/LNST) : 634.756.014
- Thưởng hoàn thành KH (2%/LNST) : 634.756.014
- Thưởng vượt LN KH (5% phần vượt LNST) : 461.890.034

(Trong đó: HĐQT trích thưởng cho Cán bộ chủ chốt: 767.652.234 đồng)

Thù lao, các khoản lợi ích khác và chi phí cho từng thành viên HĐQT, Ban kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc (phụ lục đính kèm)

- Tỷ lệ sở hữu cổ phần của thành viên HĐQT (đến ngày 24/02/2011):

01	LÊ QUANG HÙNG	Cá nhân sở hữu 207.324 cổ phần, chiếm 2,34% trên tổng số cổ phần của Công ty
02	NGUYỄN ÂN	Cá nhân sở hữu 150.662 cổ phần, chiếm 1,70% trên tổng số cổ phần của Công ty
03	ĐỖ THỊ KIM NHÀN	Cá nhân sở hữu 132.365 cổ phần, chiếm 1,49% trên tổng số cổ phần của Công ty
04	NGUYỄN HOÀNG GIANG	Cá nhân sở hữu 90.084 cổ phần, chiếm 1,02% trên tổng số cổ phần của Công ty
05	NGUYỄN THỊ THU HƯƠNG	Cá nhân sở hữu 5.065 cổ phần, chiếm 0,06% trên tổng số cổ phần của Công ty
06	THANH THỊ HUỆ	Phó Tổng Giám đốc Công ty Dệt May Gia Định (đại diện sở hữu vốn Nhà nước 888.856 cổ phần, chiếm 10,02 % trên tổng số cổ phần của Công ty)
07	LÂM TỬ THANH	Cá nhân sở hữu 155.140 cổ phần, chiếm 1.75% trên tổng số cổ phần của Công ty

Tỷ lệ sở hữu cổ phần của các Thành viên Hội đồng quản trị không thay đổi.

- Thông tin về các giao dịch cổ phiếu của Thành viên Ban Tổng giám đốc:

Không có giao dịch

- Thông tin về các giao dịch cổ phiếu của Thành viên Ban kiểm soát

Không có giao dịch

- Thông tin về các giao dịch cổ phiếu của người liên quan

Không có giao dịch

2. Các dữ liệu thống kê về cổ đông/ thành viên góp vốn:

2.1 Cổ đông góp vốn Nhà nước và cổ đông lớn: Thông tin tỷ lệ sở hữu của Cổ đông góp vốn Nhà nước và cổ đông lớn nắm giữ từ 5% tổng số cổ phần của Công ty:

01	TỔNG CTY DỆT MAY GIA ĐỊNH 10-12-14-16 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, TP.HCM Người đại diện Bà THANH THỊ HUỆ	Đại diện sở hữu vốn Nhà nước 888.856 cổ phần, chiếm 10,02 % trên tổng số cổ phần của Công ty
02	ÔNG LÂM TỬ THANH (thành viên HĐQT) 06 Trần Quang Diệu (nối dài), P13, Quận 3, TP.HCM	Đại diện sở hữu tổng số 949.340 cổ phần chiếm 10.70% trên tổng số cổ phần Công ty. Trong đó: Cá nhân sở hữu trực tiếp 155.140 cổ phần, chiếm 1.75%; gián tiếp sở hữu 397.100 cổ phần của Cty TNHH TM Á Châu, chiếm 4.478% và 397.100 cổ phần của Cty TNHH Tân Á, chiếm 4.478%
03	ÔNG LÂM QUANG VINH (cổ đông cá nhân) 710/38 Lũy Bán Bích, Phường Tân Thành, Quận Tân Phú, TP.HCM	**Sở hữu 606.414 cổ phần, chiếm 6,83 % trên tổng số cổ phần của Công ty**

2.2 Cổ đông góp vốn sáng lập (phụ lục đính kèm).

2.3 Cổ đông góp vốn nước ngoài (phụ lục đính kèm).

TP. Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 4 năm 2011

TỔNG GIÁM ĐỐC

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT - THƯƠNG MẠI MAY SÀI GÒN

NGUYỄN ÂN

Nơi gởi:
- *UBCKNN (để báo cáo)*
- *Sở GDCK TP.HCM (để báo cáo)*
- *CBTT trên website Cty*
- *Lưu VT*

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT - THƯƠNG MẠI MAY SÀI GÒN
236/7 Nguyễn văn Lượng, Phường 17, Quận Gò Vấp, TP.HCM
Giấy chứng nhận ĐKKD số: 4103002036 do Sở KH-ĐT TP.HCM
cấp ngày 07/01/2004, đăng ký thay đổi lần thứ 6 ngày 03/07/2009

THU NHẬP THÀNH VIÊN HĐQT, BAN TGĐ, BAN KS THỰC CHI TRONG NĂM 2010
Phụ lục đính kèm Báo cáo thường niên năm 2010

STT	HỌ VÀ TÊN	CHỨC VỤ	TRONG ĐÓ			THÙ LAO HĐQT- BKS 2010 CHI TRONG NĂM 2011	TỔNG THU NHẬP	TỔNG CÁC KHOẢN BHXH-BHUT-BHTN GIẢM TRỪ		THỰC NHẬN
			LƯƠNG	*THÙ LAO HĐQT-BKS*	*TỔNG THƯỞNG +PHỤ CẤP CUỐI NAM*			*BHYT-XH*	SỐ THUẾ PHẢI, ĐÃ NỘP 2010	
1	LÊ QUANG HÙNG	CT HĐQT chuyên trách	169,634,385	111,225,829	175,599,955	82,682,676	539,142,845	7,120,760	45,107,880	486,914,205
2	NGUYỄN ÂN	Phó CT HĐQT - TGĐ	180,546,077	103,810,774	198,126,873	77,170,497	559,654,221	7,170,605	50,302,620	502,180,996
3	NGUYỄN HOÀNG GIANG	TV HĐQT - Phó TGĐ	144,634,000	70,443,596	101,373,821	52,365,764	368,817,182	5,923,950	18,859,116	344,034,116
4	ĐỖ THỊ KIM NHÀN	TV HĐQT - Phó TGĐ	144,734,000	70,443,596	100,988,321	52,365,764	368,531,681	6,613,695	24,830,436	337,087,550
5	NGUYỄN THỊ THU HƯƠNG	TV HĐQT - Phó TGĐ	144,395,000	27,205,276	105,451,909	21,561,949	298,614,134	5,031,120	13,083,156	280,499,858
6	LÂM TỪ THANH	Thành viên HĐQT		85,736,436	24,843,596	52,365,763	162,945,795		11,058,004	151,887,791
7	THANH THỊ HUỆ	Thành viên HĐQT		85,736,436	24,843,596	52,365,763	162,945,795		11,058,004	151,887,791
8	LÊ THỊ CHÍN	Trưởng Ban KS		30,976,049	11,768,319	4,285,049	47,029,417		4,274,437	42,754,980
9	NGUYỄN THỊ HỒNG LIÊN	Thành viên BKS	95,909,231	18,538,209	73,453,967	13,393,306	201,294,713	2,408,320	8,899,308	189,987,085
10	LIÊU SANH THU CÚC	Thành viên BKS		15,488,024	6,538,209	2,220,880	24,247,113		2,202,623	22,044,490
			879,852,693	**619,604,225**	**822,988,567**	**410,777,411**	**2,733,222,896**	**34,268,450**	**189,675,584**	**2,509,278,862**

THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
CÔNG TY CỔ PHẦN SX - TM MAY SÀI GÒN

DANH SÁCH CỔ ĐÔNG GÓP VỐN SÁNG LẬP

(CĂN CỨ TRÊN DANH SÁCH CỔ ĐÔNG CHỐT NGÀY 24/02/2011 DO TRUNG TÂM LƯU KÝ CHỨNG KHOÁN LẬP)

STT	Tên người sở hữu chứng khoán	SỐ ĐKNSH	Địa chỉ	Quốc tịch	Số lượng chứng khoán sở hữu	Tỷ lệ/ VĐL (%)
1	Lê Quang Hùng	020151953	7A Bàu Cát 2, P.14, Q. Tân Bình, TP.HCM	Việt Nam	207,324	2.34
2	Nguyễn Ân	023744173	304/9C đường Lê Đức Thọ , phường 16, quận Gò Vấp	Việt Nam	150,662	1.70
3	Đỗ thị Kim Nhàn	021563814	43 Lý Tự Trọng, Q.1, Tp,HCM	Việt Nam	132,365	1.49
4	Nguyễn Hoàng Giang	020417705	258 Nguyễn Thị Minh Khai Q.3	Việt Nam	90,084	1.02
	Cộng:				580,435	6.54

THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
CÔNG TY CỔ PHẦN SX - TM MAY SÀI GÒN

DANH SÁCH CỔ ĐÔNG GÓP VỐN NƯỚC NGOÀI

(CĂN CỨ TRÊN DANH SÁCH CỔ ĐÔNG CHỐT NGÀY 24/02/2011 DO TRUNG TÂM LƯU KÝ CHỨNG KHOÁN LẬP)

STT	Tên người sở hữu chứng khoán	SỐ ĐKNSH	Địa chỉ	Quốc tịch	Số lượng chứng khoán sở hữu	Tỷ lệ/ VĐL (%)
	1/. Cá nhân:					
1	ABE YUTAKA	IS5248	8-11-605 NISHIHIRANUMACHO NISHIKU YOKOHAMA KANAGAWA JAPAN	Japan	2,000	0.02
2	Akira Onodera	IS7096	211-35 Kayama, Hidaka, Saitama, Japan	Japan	700	0.01
3	Altstaetter Garry Paul	IS1688	Kiat 461-1 Jeonmin-dong Yousung-gu South Korea 305-811	Japan	1,900	0.02
4	Browne Jeffrey Child	IA3630	12555 Green Meadow Pl., Elm Grove, WI 23122, USA	USA	200	0.00
5	CHEN WEI TA	IA3164	No 25, Jyun Rong 5th Str., Taichung, Taiwan	Taiwan	3,000	0.03
6	CHEN YI CHUN	IS9383	No 28, Lane 121 Chengfu Rd., Nangang District, Taipei City, Taiwan	Taiwan	190	0.00
7	CHEN, BO - TSUEN	IA3310	2F, NO.22, YUNONG RD, BANCIAO CITY, TAIPEI COUNTY 220, TAIWA	Taiwan	50	0.00
8	DAIKI NAKAJIMA	IS8191	Tần 2, 01	Japan	38	0.00
9	Daisuke Osato	IA0034	11-7 Yasukata 1-chome Aomori-city Aomori prefecture Japan	Japan	5,700	0.06
10	Goto Fumio	IS0507	2-13-19 Maruyama, Funabashi-shi, Chiba-ken, japan	Japan	1,000	0.01
11	HUANG HSI-FU	IS0459	111, Nguyễn Duy, P.10, Quận 8, Tp HCM	Taiwan	3	0.00
12	Hitoshi Fujii	IS5836	3-6-10-1301 Kita Aoyama Minato Tokyo JP	Japan	570	0.01
13	Huang Man Wei	I00128	4F-2, No. 18 Chongshan 5th Rd, East dist., Taiwan city 701, Taiwan	Taiwan	300	0.00
14	IDOTA YOSHIHISA	IS7803	3-41-3, SEKIZAWA, FUJIMI-CITY, SAITAMA, 354-0025, JAPAN	Japan	3,000	0.03
15	IPPEI NATORI	IA0139	15-15 Yamazaki-cho Higashi Matsuyama-shi Saitama Japan	Japan	5,000	0.06
16	Jeoung Ki Ook	IS7081	Shilim 9-dong 231-17, Kwanak-gu, Seoul, Korea	Korea, DPR of	532	0.01
17	Jimbo Yoshihiro	IS2699	1-9-1 Takaidanishi, Higashiosaka, Osaka, Japan	Japan	283	0.00
18	John Vaughan Pinfold	IA1538	Danish Embassy, 19 Dien Bien Phu, Ha Noi	United Kingdom	2,000	0.02
19	KAI NORIFUMI	IS6134	5-10-71 GORYO KUMAMOTOSHI KUMAMOTO 861-8035 JAPAN	Japan	1,700	0.02
20	KANEKO YUKI	IS8090	1-1690, Oowada-chou, Minuma-ku, Saitama-si, Saitama, 337-0053, Japan	Japan	190	0.00
21	KIKUCHI TAKASHI	IS1804	1-31-13 SHIMONAGAYA,KONAN-KU,YOKOHAMA,KANAGAWA,JAPAN	Japan	851	0.01
22	KIM HOON KYU	IS4340	417 lô c2 Ccư p6 Q4	Korea, DPR of	1,006	0.01
23	KITAMURA YOSHIO	IS5887	1-9-1-4-303 RYUGADAI SUMAKU KOBESHI HYOGO PREF JAPAN	Japan	1,425	0.02
24	KOICHI IGARASHI	IS0992	SAITAMA KEN TOKOROZAWA-SI KAMIARAI 5-58-10	Japan	77	0.00
25	Kakuta Yusuke	IA3126	1787 Nishiowa Washimiya-machi Kitakatsushika-gun Saitama 340- 0206, Japan	Japan	300	0.00
26	Kato Toshio	IS5048	3-24-1 Rokakouen park homes903 Minamikarasuyama, Setagaya-Ku, Tokyo 157-0062 Japan	Japan	190	0.00
27	Kien Minh Thai	IS3411	45 Shakespeare Ave Plympton Park Australia	Australia	500	0.01
28	Ko Dong Kyun	IS9778	B206 chung cư Cantavil số 01, Ấp 03, P. An Phú, Q.02, Tp.HCM	Korea, DPR of	420	0.00
29	Kono Hirohisa	IS3501	1-6-27 Terao-kita, Ayase-shi, Kanagawa-ken, Japan	Japan	38	0.00
30	Ku Soo Il	IA3179	N7 Street my Phuoc Industrial Park Ben Cat District Binh Duong Province	Korea, Rep of	300	0.00
31	LEE CHIA-CHUN	IS7901	9F, NO.89-6, MINGHU RD, NIAOSONG TOWNSHIP, KAOHSIUNG COUNTY 833, TAIWAN (R.O.C)	Taiwan	1,000	0.01
32	MATSUO YOSHIHIRO	IS0875	HOKKAIDO TAKIKAWA-SHI MYOJINCHO 3-5-5	Japan	28,372	0.32
33	MISAKO TAJIMA	IS8189	P.1607	Japan	38	0.00
34	Masuda Seiji	IS2452	2-5-28 Hoshikawa Hodogaya-ku, Yokohama, Japan	Japan	2,660	0.03
35	NORIKAZU MIYAKOSHI	IS1369	TOKYO-TO CHUO-KU SHINKAWA 1-16-7-601	Japan	30,000	0.34
36	Nishio Takeshi	IA3204	303 Residence M, 171-1 Kanotsuno-Cho, Takamatsu-shi, kagawa 761-8082 Japan	Japan	60	0.00

37	Ohkura Toshimoto	IS6446	4-1 himenogaito, ohsumi, kyotanabe-city,kyoto,japan	Japan	7,600	0.09
38	Okimoto maki	IS0508	2-10-2 Okishioya Ono-cho, Saiki Gun, Hiroshima-ken, Japan	Japan	283	0.00
39	Roger Edmund Lipczynski	IS2389	27/24/8 Điện Biên Phủ,P.15,Q.BT	Australia	623	0.01
40	SATO TORU	IS4404	1-66-2-301 ASAHIGAOKA NERIMAKU TOKYO JAPAN 176-0005	Japan	1,675	0.02
41	SHIOTA MARI	IS7336	8 Minaminakajima Cho, Shimotsubayashi, Nishikyo Ku, Kyoto, Japan	Japan	190	0.00
42	SHOICHI TANAKA	IS1377	TOKYO-TO OOTA-KU DENENCHOFU 2-25-11	Japan	3,230	0.04
43	SUNG CHIEN HSIN	IS9168	No.597,Sec.6,JhangsinRd.,HemeiTownship,ChanghuaCounty508,TW(R.O.C.)	Taiwan	1,900	0.02
44	Saito Yoshihiko	IA0866	5-27-5-303 Hirai Edogawa-ku Tokyo	Japan	3,500	0.04
45	Shinichi Sano	I00393	307 La Maree Shirokane, 2-5-5, Shirogane, Minato-ku, Tokyo, Japan	Japan	1,041	0.01
46	Shiratori Jinichi	IA2426	4-5-5 Yahata, Suruga-ku, Shizuoka-shi, Shizuoka 422-8076, Japan	Japan	300	0.00
47	TANZAWA MIKI	IS0798	TOKYO TO BUNKYO KU SENDAGI 3-1-17 KURIZANTEEMUKAN 201	Japan	190	0.00
48	TATSUO MIYAZAKI	IS0691	SAITAMA KEN KOSHIGAYASHI MINAMI OGISHIMA 3561-4	Japan	11	0.00
49	TIEN KAI WEN	IS6207	74 Lane 412, Chen Ching Rd, Taichung, Taiwan	Taiwan	1,000	0.01
50	TSAI MEI HUEI	IS2174	Lô 17 Đường số 2, Khu CN Tân tạo, Quận Bình Tân	Taiwan	4	0.00
51	TSUKAMOTO KAZUO	IS5003	IBARAKI-KEN INASHIKI-SHI SHIKA 2243	Japan	380	0.00
52	Takahashi Takeo	IS4702	806, 3-2-2, Iwamotocho, Chiyoda-ku, Tokyo, 101-0032	Japan	283	0.00
53	Takami Murata	IS8476	2-20-302, Minami 6 Nishi 23, Chuo-ku, Sapporo, Hockaido, Japan	Japan	380	0.00
54	Teruko Matsumoto	IS6542	2-4-48 Chuo, Nakatsu, Oita, Japan 871-0024	Japan	1,900	0.02
55	WILLY WONG TUCK WAH	IS3399	Bik 106, Ang Mo Kio Ave4, #08-186, Singapore 560106	Singapore	3	0.00
56	Wang Tai Shan	IA1563	TaiWan TaiWan TaiWan	Taiwan	26,000	0.29
57	Wang Ti	IS9601	6F., No.174, Sanmin Rd., Linkou Township, Taipei County 244, Taiwan (R.O.C.)	Taiwan	10	0.00
58	Wataru Miyazawa	IS3232	6-5-5-603 chuourinkan Yamatoshi, Kanagawa-ken, Japan	Japan	200	0.00
59	YANG, PI - CHI	IS4884	NO.7, ALLEY 2, LANE I, LONGSING ST. THONGLI CITY, TAOYAUN CO	Taiwan	285	0.00
60	YOSHIMATSU TOYOKO	IS5832	WAKAYAMAKEN ARIDAGUN ARIDAGAWACHO KASHIKO13 JAPAN	Japan	570	0.01
61	Yamada Hidenori	IA2658	195, Obouzu, Sato-cho, Anjo, Aichi, 446-0001 Japan	Japan	590	0.01
62	Yamamoto Yoshikazu	IS3080	105 Gobou, Gobousi, Wakayama, Japan	Japan	3,800	0.04
63	Yamazaki Atsushi	IS0469	165 Ongi, Yotsukaido-shi, Chiba-ken, Japan	Japan	190	0.00
64	Yuichi Tamura	IS8764	1-6-17, Tisima, Taisyo-ku, Osaka-si, Osaka-hu, Japan	Japan	2,000	0.02
65	Yukari Suzuki	IA1997	Tokyo, Edogawaku, Hirai 7-3-2-507.	Japan	5,000	0.06
66	Yutaka Noda	I00338	993-5 Koyurugi Samukawamachi Kozagun Kanagawaken Japan	Japan	805	0.01
	Cộng:				**159,536**	**1.80**
	2/. Tổ chức:					
1	AIZAWA SECURITIES CO.,LTD	CA2521	1-20-3, Nihonbashi, Chuo-Ku, Tokyo, JP 103-0027	Japan	19,180	0.22
2	CREDIT SUISSE (HONG KONG) LTD	CS1947	45 TH AND 46TH FLOORS, TWO EXCHANGE SQUARE, CONNAUGHT PLACE, CENTRAL, HONGKONG	Hong Kong	13,660	0.15
3	Công Ty First Choice Co., LTD	No.1052921	7B/F, Chiap Luen Industrial Building 30-32 kung Yip St., Kwai Chung, N.T, Hong Kong	Hong Kong	380,000	4.28
4	HORIZON	CA0808	KBC SECURITIES TAV HILDE DE VOS DIENST RECONCILIATIE VCS HAVENLAAN 12,1080 BRUSSEL	Belgium	8	0.00
5	IWAI SECURITIES CO., LTD	CA2539	1-8-16 Kitahama Chuo-ku Osaka 541-0041 Japan	Japan	12,390	0.14
6	NEW-S SECURITIES CO., LTD.	CS9483	EBISU BLDG, 11-10, 3-CHOME, HIGASHI, SHIBUYA-KU, TOKYO	Japan	8,227	0.09
7	SBI SECURITIES CO.,LTD.	CA4878	6-1 ROPPONGI 1-CHOME, MINATO-KU, TOKYO, JAPAN	Japan	1,020	0.01
8	Selfar International L.L.C	CS9949	12F, No.2, Nan-King East Road, Sec.1, Taipei, R.O.C	China	218,000	2.46
9	Tokai Tokyo Securities Co., Ltd	CA3696	6-2, Nihonbashi 3-Chome, Chuo-ku, Tokyo	Japan	6,500	0.07
	Cộng:				**658,985**	**7.43**
	TỔNG CỘNG (1+2):				**818,521**	**9.23**